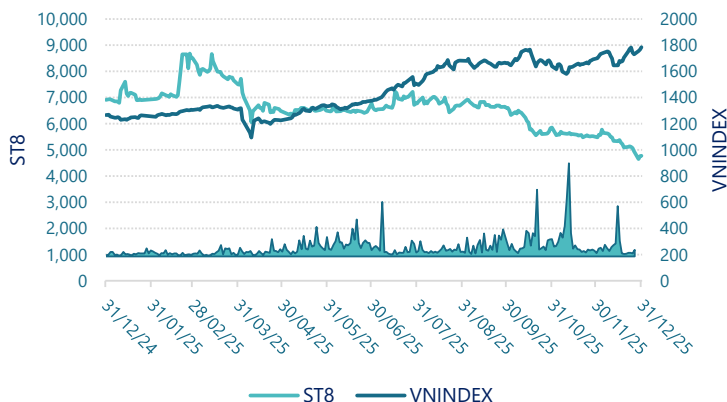




CTCP Tập đoàn ST8 (HSX: ST8)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	4,770
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,680
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,650
SL cổ phiếu LH	25,720,902
KLGD BQ 20 phiên (CP)	113,375
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	123
P/E	32.7
EPS	146

DT thuần

Q4/25

43.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.6 | 98.2%

YoY: ▼125 | -74.2%

LN sau thuế

Q4/25

0.23

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.40 | -85.6%

YoY: ▼2.80 | -92.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1.6%

+/- YoY: ▼ 5.7%

DT thuần

2025

338

tỷ VNĐ

YoY: ▼135 | -28.6%

LN sau thuế

2025

1.72

tỷ VNĐ

YoY: ▼22.3 | -92.8%

ROE

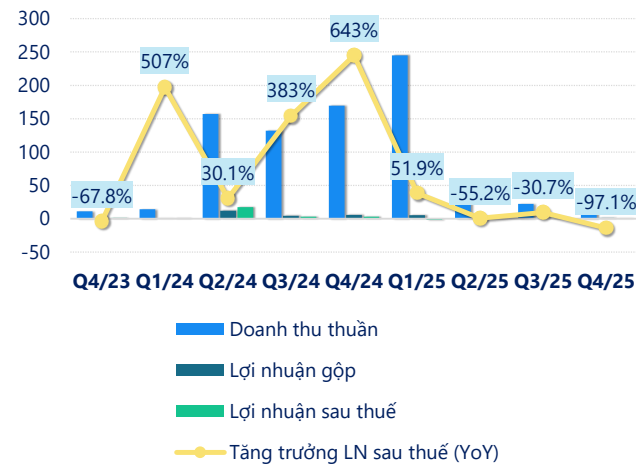
2025

1.2%

+/- YoY: ▼ 6.4%

tỷ VNĐ

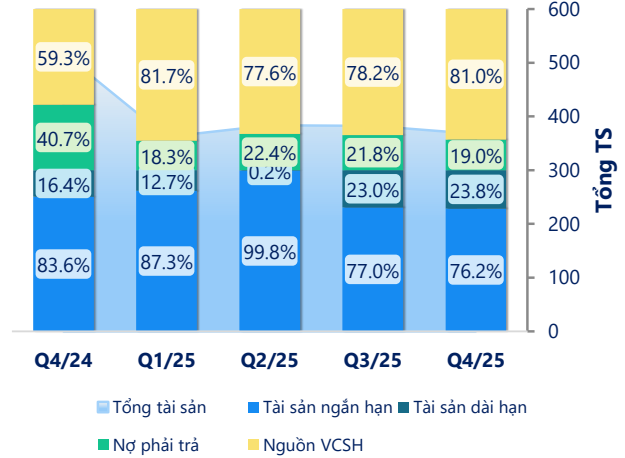
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

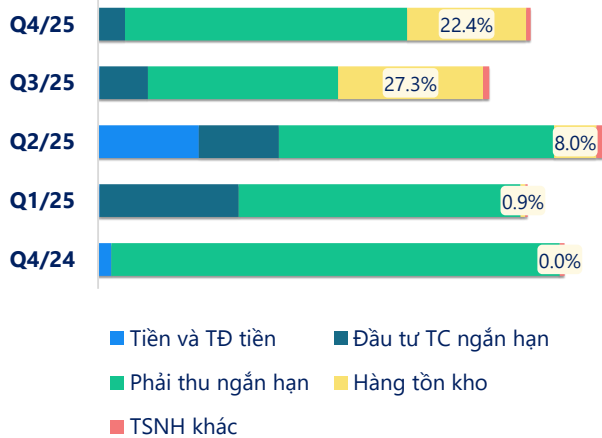
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



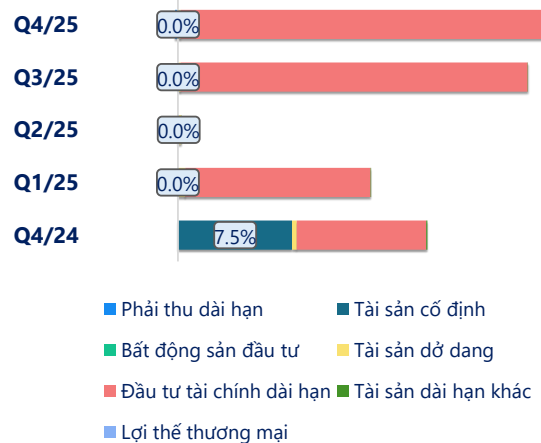
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

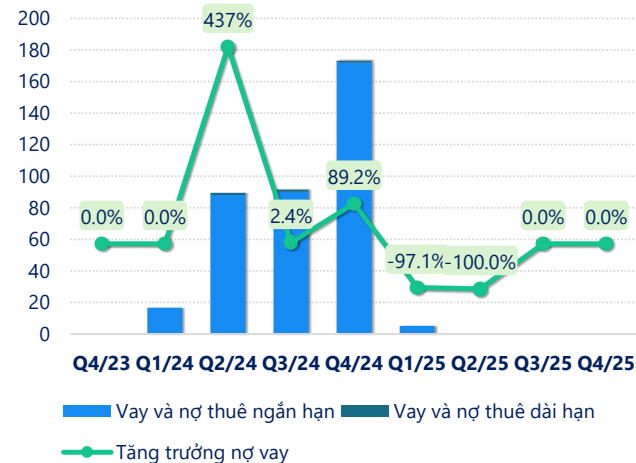
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

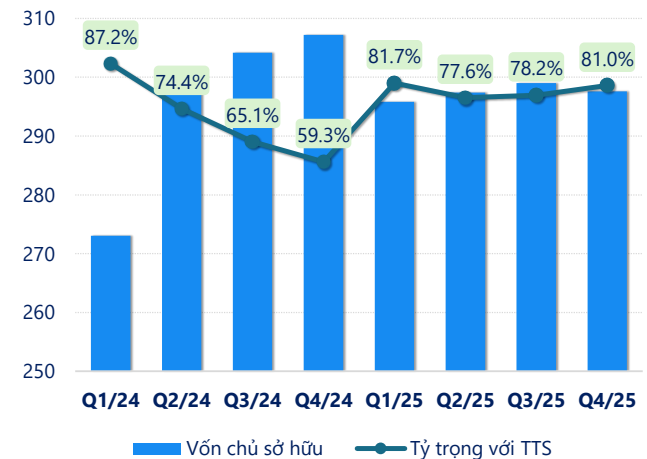
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

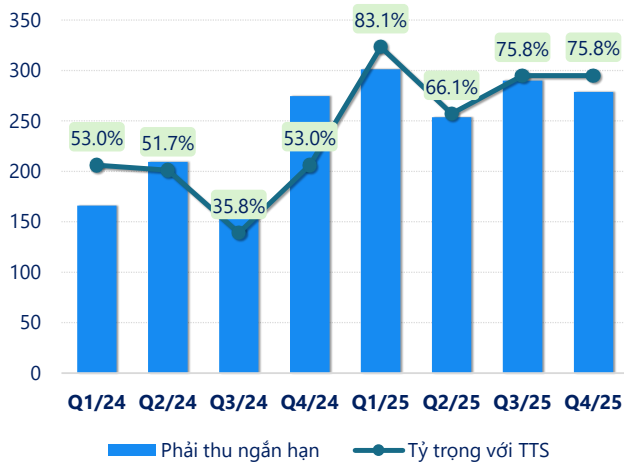
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



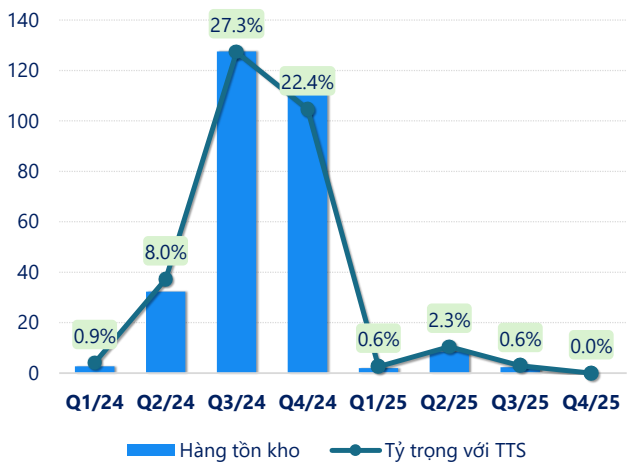
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


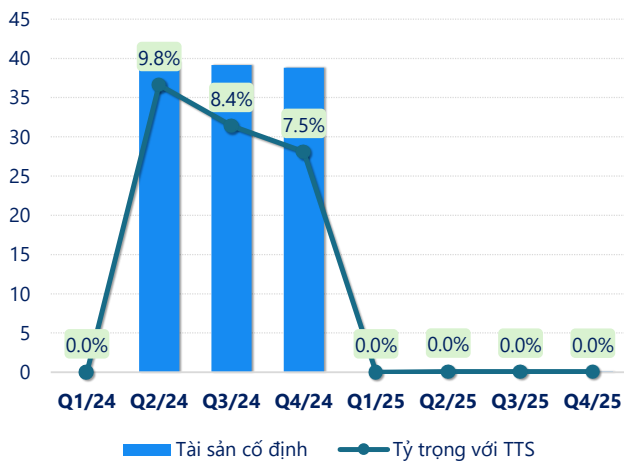
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


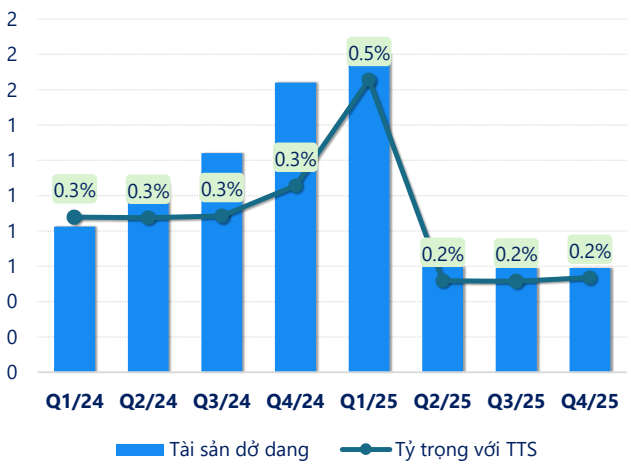
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

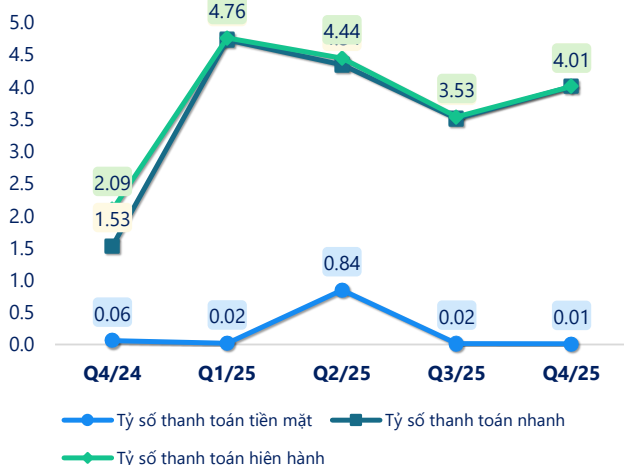
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

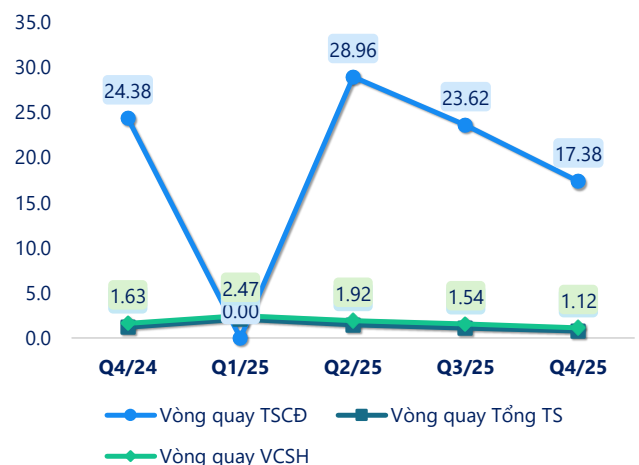
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	518	362	383	382	368
Tài sản ngắn hạn	433	316	383	294	280
Tiền và tương đương tiền	12.8	1.17	72.7	1.26	0.78
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.1	11.7	47.4	0.66	0.62
Phải thu ngắn hạn	275	301	254	290	279
Hàng tồn kho	116	2.02	8.64	2.37	0
Tài sản ngắn hạn khác	4.18	0.23	0.20	0.11	0.07
Tài sản dài hạn	85.0	46.1	0.87	88.0	87.3
Phải thu dài hạn	0.11	0	0.15	0	-0.70
Tài sản cố định	38.8	0	0.10	0.09	0.08
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.64	1.80	0.60	0.59	0.59
Đầu tư tài chính dài hạn	44.1	44.1	0	87.4	87.4
Tài sản dài hạn khác	0.35	0.20	0.02	0.01	0.01
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	211	66.4	86.1	83.2	70.0
Nợ ngắn hạn	207	66.4	86.1	83.2	70.0
Vay và nợ thuê ngắn hạn	172	5.00	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	23.0	55.3	79.5	75.8	63.1
Nợ dài hạn	3.60	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	1.20	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	307	296	297	299	298
Vốn chủ sở hữu	307	296	297	299	298
Vốn điều lệ	257	257	257	257	257
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)